

Chuyên đề năm 2024

**HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ
CHÍ MINH VỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ,
ĐẢM BẢO KỶ CƯƠNG; THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT
LƯỢNG CAO VÀ TÂM HUYẾT TRONG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ
VĂN MINH, HIỆN ĐẠI, NGHĨA TÌNH**

Phần I

**TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH
VỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, ĐẢM BẢO
KỶ CƯƠNG;
THU HÚT, SỬ DỤNG NHÂN TÀI**

1. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương

1.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ

Trong cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước, tự do, dân chủ cho Nhân dân giữ vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt; đó chính là mục tiêu, lý tưởng, khát vọng của Người.

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, dân chủ là dân làm chủ nước nhà, chủ nhân của đất nước, quyền lực cao nhất của nhà nước thuộc về Nhân dân; đây chính là nội dung, bản chất dân chủ của chế độ chính trị và nhà nước cách mạng Việt Nam.

Quan điểm về dân chủ của Người được khẳng định rõ trong bản Hiến pháp năm 1946: “Điều thứ 1: Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể Nhân dân Việt Nam...;

Điều thứ 32: Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra Nhân dân phúc quyết...”. Đến bản Hiến pháp năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh và nâng cao hơn, cụ thể hơn quyền làm chủ của Nhân dân, thể hiện rõ trong

Điều 4: “Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều thuộc về Nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do Nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước Nhân dân”. Quyền làm chủ của Nhân dân thông qua cơ quan Nhà nước lập pháp từ Trung ương đến địa phương do dân bầu ra là chủ thể đại diện thực thi quyền quyết định cao nhất những vấn đề hệ trọng của quốc gia chính là giá trị cốt lõi về dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn đề cao vấn đề dân chủ, nhấn mạnh vị trí, vai trò vô cùng to lớn của Nhân dân, vì dân là gốc của nước, là sức mạnh, lực lượng vĩ đại của cách mạng.

Dân chủ không chỉ là cơ sở, nền tảng mà còn là mục tiêu, động lực của cách mạng, gốc rễ của đất nước. Người khẳng định: “Nước lấy dân làm gốc”, Nhân dân chính là chủ thể, đại diện cao nhất của quyền lực Nhà nước, phản ánh giá trị lớn lao, sâu sắc tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh.

Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập nhà nước cách mạng, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - một Nhà nước dân chủ, của dân, do dân và vì dân. Người khẳng định rõ bản chất dân chủ của nhà nước: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”, “Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là Nhân dân làm chủ”.

Quan điểm dân chủ của Hồ Chí Minh là trên lãnh thổ Việt Nam, mọi quyền hành và lực lượng đều là của Nhân dân, chính Nhân dân tạo ra, do Nhân dân quyết định.

Trong bài báo Dân vận, với bút danh X.Y.Z đăng trên báo Sự thật số 120 ngày 15-10-1949, Người nhấn mạnh: “Bao nhiêu lợi ích đều vì *dân*. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra*. Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*”. Có thể hiểu, nội dung cơ bản và cốt lõi nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ là: Nhân dân là chủ nhân của đất nước, chủ thể của quyền lực chính trị - xã hội ở nước ta. Toàn bộ thể chế chính trị dân chủ trong nước phải bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân, quyền quyết định vận mệnh của quốc gia, dân tộc. Trong thể chế

chính trị dân chủ, Nhân dân không chỉ nắm giữ quyền lực mà còn có trách nhiệm, nghĩa vụ xây dựng, củng cố, tăng cường và thực thi quyền lực.

1.2. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ, phát huy và thực hành dân chủ là mục tiêu, động lực của cách mạng, là lý tưởng, khát vọng cao đẹp của Người để tiến lên xây dựng một xã hội tốt đẹp, xã hội chủ nghĩa.

Thực hành dân chủ có vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thực hành dân chủ là bước phát triển cao của quá trình triển khai thực thi nền dân chủ, đưa quyền làm chủ của Nhân dân vào thực tiễn.

Người khái quát: “*thực hành dân chủ* là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn. Trong mọi công việc, ngay từ khi lập kế hoạch và suốt cả thời gian thực hiện, phải mạnh dạn phát động quần chúng, làm cho mọi người thấm nhuần *tinh thần làm chủ tập thể*”. Thực hành dân chủ là phát huy sức mạnh to lớn của lực lượng cách mạng, huy động và sử dụng tối đa quyền hạn, lực lượng của toàn dân để thực hiện những nhiệm vụ cách mạng vì lợi ích của dân tộc và Nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, thực hành dân chủ là phát huy cao nhất quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy tất cả sức mạnh vật chất, tinh thần, trí tuệ của người dân, tạo nên nguồn lực cách mạng vô cùng to lớn, mạnh mẽ.

Điều 4 Hiến pháp năm 1959: “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là Nhà nước của Nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của Nhân dân đưa cách mạng tiến lên” .

Thực hành dân chủ là làm cho người dân hiểu, nhận thức toàn diện, sâu sắc, trên cơ sở đó phát huy đầy đủ, triệt để tất cả các quyền dân chủ của công dân do hiến pháp, pháp luật quy định. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ trong Hiến pháp năm 1959, tất cả công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà có nhiều quyền dân chủ và thực hành tuyệt đối quyền dân chủ đã được hiến định, đó là tất cả các quyền:

“*Có quyền làm việc,
Có quyền nghỉ ngơi,
Có quyền học tập,
Có quyền tự do thân thể,*

*Có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình,
Có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào,
Có quyền bầu cử, ứng cử, v.v... ”.*

Quyền dân chủ và thực hành dân chủ đã được Hồ Chí Minh nêu lên có ý nghĩa, giá trị sâu sắc đối với cách mạng nước ta.

Thực hành dân chủ là phải làm cho toàn thể Nhân dân mạnh dạn bày tỏ ý kiến, bộc bạch những suy nghĩ, nói hết những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, quan điểm, chính kiến, phải làm cho người dân thật sự được tự do ngôn luận, tự do về tư tưởng. Đây là quyền làm chủ cao nhất, mạnh mẽ nhất và thực hành dân chủ một cách chính đáng của người dân.

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn thực hành dân chủ thực chất, đúng mực, nhất thiết phải làm cho mọi người dân được tự do tư tưởng, dân chủ trong tư tưởng. Người đã viết: *“Tự do tư tưởng. Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý, đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho Nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của Nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân - tức là phục tùng chân lý”*. Tự do ngôn luận, tự do về tư tưởng chính là phương cách căn bản, hữu hiệu để thực hành dân chủ; thực hành dân chủ là con đường đúng đắn, phù hợp để đi đến chân lý cách mạng.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hành dân chủ của người cán bộ cách mạng chính là gần dân, thân dân, quý dân, trọng dân và gắn bó mật thiết với Nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân, đặt lợi ích của Nhân dân lên cao nhất, đây chính là một tư tưởng lớn, bao trùm, mang tính nhân văn cao cả của Người. Quan điểm này giữ vị trí cốt lõi trong tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh, có ý nghĩa vô cùng quan trọng và chi phối toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Người.

Trong 24 năm (1945 - 1969) với cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn thể hiện đậm nét tư tưởng, đạo đức, phong cách dân chủ của một lãnh tụ cách mạng gần dân, thân dân, trọng dân, quý dân, đặt người dân lên địa vị cao nhất đất nước.

Lời dạy sâu sắc, quý giá của Hồ Chí Minh là cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hành dân chủ phải gần dân, thân dân, quý trọng Nhân dân, gắn bó

mật thiết với Nhân dân, nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, phải tôn trọng thật sự quyền làm chủ, thực hành dân chủ của Nhân dân; tuyệt đối không được lên mặt “quan cách mạng”, phải khiêm tốn, gần gũi, không được kiêu ngạo trước Nhân dân và yêu cầu Đảng phải lựa chọn cán bộ là những người có tinh thần dân chủ, ý thức thực hành dân chủ và phải gắn bó mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng.

Cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một “tấm gương rèn luyện để có tác phong gần dân, hiểu dân, vì dân; gương mẫu trong cuộc sống hàng ngày” trước Nhân dân. Trong thực hành dân chủ, “Phong cách đẹp nhất, có giá trị nhất của Hồ Chí Minh là phong cách quần chúng, tức là tin dân, trọng dân, gần dân, học dân, hỏi dân, hiểu dân, giải thích cho dân, dựa vào dân, sống trong lòng dân, thực hành dân chủ, dân vận, làm gương để dân noi theo...”.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương ngời sáng về dân chủ, một biểu tượng đẹp đẽ, cao quý về đạo đức, phong cách dân chủ và thực hành dân chủ, ngọn cờ dẫn dắt nền dân chủ, thực hành dân chủ trong Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, toàn dân noi theo. Người không ngừng học hỏi ở Nhân dân, luôn lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng, bức xúc của Nhân dân. Học hỏi ở dân, hiểu dân, nghe dân nói, thấy dân làm, để thấu hiểu ý dân, nhu cầu, mong muốn của dân là đạo đức, phong cách dân chủ cao đẹp của Người. Hồ Chí Minh thường căn dặn cán bộ, đảng viên khi đến với dân, tiếp xúc, trao đổi với Nhân dân phải chú ý học hỏi dân: “Chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng... phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe theo nguyện vọng của dân chúng”, đó chính là phương cách thực hành dân chủ.

Dân chủ, thực hành dân chủ theo Hồ Chí Minh là phải kiên quyết xử lý, giải quyết triệt để những phản ánh, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Người yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải giải quyết thỏa đáng nhu cầu, bức xúc, nguyện vọng của Nhân dân.

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tỏa sáng tư tưởng, đạo đức, phong cách dân chủ, thực hành dân chủ, thể hiện một tấm gương mẫu mực, tiêu biểu về đạo đức, phong cách gần dân, thân dân, trọng dân, quý dân, trọn đời tận tụy phục vụ Nhân dân. Khiêm tốn lắng nghe Nhân dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng và giải quyết thấu đáo những tâm tư, nguyện vọng, yêu cầu, bức xúc của Nhân dân là biểu tượng cao đẹp, quý giá của tư tưởng, đạo đức, phong cách dân chủ, thực hành dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1.3. Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương

Dân chủ, thực hành dân chủ trong Đảng, Nhà nước, trong Nhân dân và xã hội gắn với kỷ cương, kỷ luật, thực thi hiến pháp, pháp luật, dân chủ tập trung, dân chủ có tổ chức, lãnh đạo... là quan điểm lớn, nhất quán, xuyên suốt của Hồ Chí Minh.

Quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ, thực hành dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân trong mối quan hệ với tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật, chấp hành hiến pháp, pháp luật được Người quan tâm, chú trọng và thể hiện rất sớm sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trong Hiến pháp năm 1946, ở Điều 4, Mục A: Nghĩa vụ, Chương 2: Nghĩa vụ và quyền lợi công dân, ghi rõ: “Mỗi công dân Việt Nam phải: Bảo vệ Tổ quốc, Tôn trọng Hiến pháp, Tuân theo pháp luật...”.

Hiến pháp năm 1959, Điều 38 xác định rõ và cụ thể hơn: “Nhà nước đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của Nhân dân,...

Vì vậy, công dân có nghĩa vụ: tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và những quy tắc sinh hoạt xã hội. Công dân có nghĩa vụ tôn trọng tài sản công cộng, đóng thuế theo pháp luật, làm nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc”.

Trong Nhà nước dân chủ Nhân dân: dân là chủ, dân có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, phải tuân theo pháp luật. Dân chủ, thực hành dân chủ đồng thời phải nghiêm túc chấp hành pháp luật, tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương là nội dung quan trọng, căn cốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ và thực hành dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân phải gắn liền, tiến hành đồng thời với tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương, chấp hành Hiến pháp, pháp luật. Nhà nước dân chủ Nhân dân nhất thiết phải đảm bảo pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Người chủ trương sớm xây dựng hiến pháp, hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương là nhân tố, điều kiện vững chắc để phát huy và thực hành dân chủ, làm cho người dân thực hiện quyền dân chủ sâu rộng trong thực tế.

Dân chủ và pháp chế, kỷ cương có mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ, biện chứng với nhau. Dân chủ không thể tách rời pháp chế, đảm bảo kỷ cương; ngược lại pháp chế và kỷ cương phải đặt trên cơ sở, nền tảng của dân chủ. Kỷ cương, pháp luật phải được xây dựng và thực thi bằng phương thức dân chủ, thông qua quá trình phát huy dân chủ, thực thi dân chủ trong Nhân dân.

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, pháp chế và kỷ cương của Nhà nước cách mạng là nền chuyên chính xã hội chủ nghĩa được thực thi bởi quyền làm chủ của Nhân dân.

Do vậy, dân chủ luôn thống nhất hữu cơ với chuyên chính. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Dân chủ là của quý báu nhất của Nhân dân, chuyên chính là cái khóa đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên cửa phải có khóa. Thế dân chủ cũng phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ”.

Trong Nhà nước cách mạng, chế độ chính trị dân chủ, pháp chế và kỷ cương là then cài quan trọng, cần thiết để giữ vững nền dân chủ của Nhân dân.

Quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ, thực hành dân chủ phải gắn bó mật thiết, chặt chẽ với kỷ cương, pháp chế chính là thanh gươm sắc bén chống lại các thế lực thù địch, phản động, bảo vệ vững chắc nền dân chủ và pháp chế của Nhà nước cách mạng, Nhà nước dân chủ Nhân dân.

Người nhân mạnh: “Muốn dân chủ thực sự phải chuyên chính thực sự, vì không chuyên chính thực sự, bọn thù địch sẽ làm hại dân chủ của Nhân dân”.

Dân chủ và tự do càng mở rộng nhất thiết phải càng tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương, nhất là trong hoàn cảnh, điều kiện các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tự do, dân chủ để chống phá Nhà nước cách mạng, xóa bỏ nền dân chủ của Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ hơn: “Chế độ ta là chế độ dân chủ Nhân dân; chúng ta cần mở rộng dân chủ đối với Nhân dân, đồng thời cần tăng cường chuyên chính với kẻ địch của Nhân dân. Có tăng cường chuyên chính với kẻ địch thì mới bảo vệ được tự do và dân chủ của Nhân dân ta”.

Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã dày công tìm tòi, thiết lập và xây dựng Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam: Nhà nước dân chủ cộng hòa, một Nhà nước của dân, do dân và vì dân trên cơ sở, nền móng vững chắc của thiết chế Nhà nước pháp quyền có hiệu lực mạnh, quản lý xã hội bằng pháp luật, tất cả người dân phải thượng tôn pháp luật. Một xã hội dân chủ theo Hồ Chí Minh phải đặt trong khuôn

khổ của pháp luật, dân chủ không thể vượt ra ngoài pháp luật, trái lại, dân chủ phải gắn kết chặt chẽ với tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương. Tất cả quyền tự do, dân chủ, quá trình thực thi dân chủ của người dân phải được thể chế hóa, hiện thực hóa bằng hiến pháp và pháp luật; ngược lại, Hiến pháp và hệ thống pháp luật được xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh nhất thiết phải bảo đảm quyền tự do, dân chủ cao nhất của người dân, phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của người dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến cuộc đời và sự nghiệp xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, kết hợp chặt chẽ, hài hòa, thống nhất giữa thực hành dân chủ với chấp hành hiến pháp, pháp luật; xây dựng mối quan hệ hữu cơ giữa phát huy dân chủ, thực hành dân chủ gắn với tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương, phép nước, kỷ luật của xã hội. Dân chủ là mục tiêu, động lực phát triển đất nước, tiến bộ xã hội, giải phóng con người. Hiến pháp, pháp luật là phương tiện, công cụ sắc bén bảo vệ vững chắc nền dân chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc,

Nhân dân. Xây dựng xã hội dân chủ, quá trình phát huy, thực hành dân chủ ngày càng sâu rộng trong khuôn khổ hiến pháp, hệ thống pháp luật ngày một hoàn chỉnh, chặt chẽ là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1.4. Vai trò của Đảng, Nhà nước trong thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định quan điểm, trong quá trình phát huy dân chủ, thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật trong xã hội, Đảng và Nhà nước cách mạng giữ vị trí, vai trò vô cùng quan trọng, là chủ thể quyết định thành bại đối với quá trình thực thi nền dân chủ.

Trước hết là thực hành dân chủ trong Đảng, Hồ Chí Minh đòi hỏi trong tổ chức đảng và trong Nhà nước cách mạng cần phải mở rộng thực hành dân chủ để đảng viên phát huy vai trò dân chủ, mạnh dạn nêu lên chính kiến, đóng góp trí tuệ, tri thức, kinh nghiệm, tâm huyết của mỗi đảng viên. Người căn dặn kỹ càng về yêu cầu này: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết thống nhất của Đảng”. Thực hành rộng rãi dân chủ trong Đảng là phương cách tốt nhất, hiệu quả nhất để “bất cứ về vấn đề nào đảng viên đều phải hết sức thảo luận và phát biểu ý kiến, khi đa số đã nghị quyết thì tất cả đảng viên phải phục tùng mà thi hành”. Dân chủ trong Đảng theo Hồ Chí Minh là dân chủ

tập trung. Chế độ thực hành dân chủ trong Đảng theo nguyên tắc dân chủ tập trung. Dân chủ càng cao sẽ càng hạn chế độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ và đưa đến sự tập trung càng vững chắc. Vì vậy, dân chủ phải đi đôi với tập trung, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung và tập trung trên cơ sở, nền tảng dân chủ. Người yêu cầu tổ chức đảng, các cấp ủy cần tăng cường thực hành dân chủ rộng rãi trong toàn hệ thống chính trị. Những định hướng, chỉ dẫn sâu sắc, quý giá của Người chính là phương cách tốt nhất, hiệu quả nhất nhằm phát huy quyền làm chủ, thực hành dân chủ và thể hiện trách nhiệm của tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên trong cuộc đấu tranh chống lại sự độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ trong hệ thống chính trị. Đặc biệt, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu phải thực hành dân chủ rộng rãi trên cơ sở chấp hành nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, những quy định của Đảng, kỷ luật Đảng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn diện đất nước, Đảng lãnh đạo Nhà nước và hệ thống chính trị, chịu trách nhiệm cao nhất trước Nhân dân về tiền đồ, vận mệnh đất nước. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu thực hành dân chủ trong Đảng phải gắn với mở rộng thực hành dân chủ trong các cơ quan Nhà nước, từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ, thực hành dân chủ của các cơ quan, tổ chức dân cử: Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng.

Trong quá trình tổ chức, hướng dẫn Nhân dân thực hành dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, chú trọng, đề cao vị trí, vai trò, trách nhiệm của Chính phủ, chính quyền các cấp và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về nhiệm vụ phát huy dân chủ, thực hành dân chủ; đây là lực lượng nòng cốt, chủ lực quyết định thành bại trong quá trình thực hành dân chủ trong xã hội. Người yêu cầu Chính phủ, cán bộ, công chức từ Trung ương đến địa phương phải hết lòng, thật sự quý trọng Nhân dân, gần dân, thân dân, gắn bó mật thiết với dân. Trong Điều 6 Hiến pháp năm 1959 quy định nhiệm vụ rất quan trọng là: “Tất cả các cơ quan Nhà nước là phải dựa vào Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của Nhân dân”. Trong thực hành dân chủ, Hồ Chí Minh nêu lên một nguyên tắc tối thượng là Chính phủ, chính quyền các cấp, cán bộ, công chức phải “đặt lợi ích Nhân dân lên trên hết; Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân; việc gì cũng bàn với Nhân dân, giải thích cho Nhân dân hiểu rõ; có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước Nhân dân, và hoan nghênh Nhân dân phê bình mình; sẵn sàng học hỏi Nhân dân; tự mình phải làm gương mẫu cần kiệm liêm chính, để Nhân

dân noi theo”, thể hiện trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu về dân chủ, thực hành dân chủ của cán bộ, công chức.

Thứ hai, vai trò của Đảng và Nhà nước cách mạng đối với thực hành dân chủ trong xã hội. Theo Hồ Chí Minh, phát huy dân chủ, quyền làm chủ và thực hành dân chủ trong Nhân dân chính là thực thi quyền lực chính trị của Nhân dân, đây là quyền thiêng liêng của người dân không ai có thể xâm phạm; đồng thời là trọng trách của Đảng và Nhà nước cách mạng. Người nhấn mạnh trách nhiệm của Đảng, Nhà nước phải giáo dục, khuyến khích, động viên và phát huy cao độ quyền dân chủ, thực hành dân chủ của Nhân dân, xây dựng hiến pháp, pháp luật, cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, năng lực làm chủ của Nhân dân, tạo cơ sở, điều kiện thuận lợi cho người dân biết thụ hưởng và mạnh dạn thực hành quyền dân chủ, dám nói lên chính kiến, dám làm những việc đúng đắn, góp phần xây dựng đất nước. Trong cuộc họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên 06 nhiệm vụ cần thiết, cấp bách, trong đó nhấn mạnh đến một nhiệm vụ rất quan trọng là cần sớm tổ chức cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu để toàn thể Nhân dân Việt Nam, tất cả các giai cấp, tầng lớp, thành phần trong xã hội thực hiện quyền dân chủ. Người trình bày rằng: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức **càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu**”. **Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân ra đời có trọng trách, nhiệm vụ quan trọng là hướng dẫn, tổ chức cho toàn dân phát huy, thực hành dân chủ, quyền làm chủ. Nhà nước cách mạng, chính phủ Trung ương và hệ thống chính quyền các cấp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm “làm sao cho Nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình” góp phần vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.** Người chỉ rõ nhiệm vụ rất cần thiết, mang tính nguyên tắc đối với cán bộ, công chức, viên chức “trước nhất là phải tìm mọi cách *giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng*: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được”. Thực hành dân chủ trong Nhân dân chính là “làm theo cách quần chúng. Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc. Giải thích cho dân chúng hiểu rõ. Được dân chúng đồng ý. Do dân chúng vui lòng ra sức làm”. Đây chính là tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đồng thời là yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, trách nhiệm

cao cả, thể hiện vai trò quan trọng của Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về phát huy dân chủ, thực hành dân chủ của Nhân dân.

2. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thu phục, trọng dụng và sử dụng nhân tài

2.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về nhân tài - người tài đức

Trong toàn bộ hệ tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, con người giữ vị trí, vai trò trung tâm. Cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp gắn liền với giải phóng con người; trong đó, giải phóng toàn diện, triệt để con người là mục tiêu cao nhất. Con người phải được giải phóng cả về vật chất lẫn tinh thần, năng lực, trí tuệ, tri thức...

Trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chú trọng con người, **đặc biệt đề cao vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nhân tài - người tài đức và trọng dụng, sử dụng hiệu quả người tài đức.**

Nhân tài - người tài đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh phải **đảm bảo hội đủ hai yếu tố cơ bản: tài năng và đức độ, phải “vừa hồng - vừa chuyên”, tài và đức phải vẹn toàn.** Người có tài là người tiêu biểu, nổi bật, vượt trội trong đại đa số Nhân dân, theo Hồ Chí Minh là phải **“có tài năng và sáng kiến”.**

Rộng hơn, người có tài là **người có tư duy, trình độ, chuyên môn, tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm, sự hiểu biết và có tài năng, năng khiếu đặc biệt ở một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, y tế, giáo dục...**

Người tài là **người có năng lực cao, có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách nhanh nhất, tốt nhất và chất lượng, hiệu quả nhất.**

Đức là đạo đức, người có đức là người có đạo đức, đức độ, có uy tín, danh dự, có nhân phẩm, phẩm chất, giá trị cao đẹp, hội đủ 3 yếu tố **“chân, thiện, mỹ”.**

Người có đức là người nhân ái, nhân văn, luôn yêu thương, quý trọng con người, đồng bào, dân tộc, Tổ quốc và cao hơn là nhân loại.

Người có đức là người luôn khiêm tốn, cầu thị, có ý chí, nghị lực, khát vọng vươn lên trong học tập, lao động, nâng cao trình độ, tri thức, năng lực, không ngừng phấn đấu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức để hoàn thiện bản thân.

Hồ Chí Minh quan niệm, người có đức phải vươn tới bước phát triển cao hơn, đó là đạo đức cách mạng, phải tự rèn luyện, bồi dưỡng cho mình đầy đủ những chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cộng sản.

Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm, người tài đức là người Việt Nam ở ba miền Bắc, Trung, Nam, người Việt sinh sống ở nước ngoài, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, lập trường chính trị, thành phần giai cấp... Người tài đức có trong tất cả đồng bào, cộng đồng dân tộc Việt Nam. Người viết: “Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức...” và chỉ đạo “các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức,... thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”.

Quan điểm Hồ Chí Minh về người tài đức là người giàu lòng yêu nước, thương dân, trung với nước, hiếu với dân, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, Nhân dân lên cao nhất, luôn day dứt, trăn trở, tâm huyết với tiền đồ, vận mệnh đất nước, đau xót trước nỗi đau mất nước, thân phận nô lệ của dân tộc, trước sự nghèo nàn, lạc hậu của nước nhà, thua kém bè bạn năm châu.

Người nêu lên quan điểm về người tài đức chính là “những bậc tài đức... những kẻ hiền năng... có thể làm được những việc ích nước lợi dân”.

Người tài đức là người có trách nhiệm, luôn tiên phong, gương mẫu, hăng hái xung phong đi trước, sẵn sàng gánh vác trọng trách, sứ mệnh của dân tộc, là những người “sẵn lòng hăng hái giúp ích nước nhà”, trong hoàn cảnh Tổ quốc lâm nguy, sự nghiệp cách mạng đứng trước vô vàn khó khăn, thử thách.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đức và tài có mối quan hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ với nhau; trong đó, đức là gốc, là nền tảng, gốc rễ. “*Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo.* Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân”

Người có tài không có đức là người vô dụng, ngược lại người có đức nhưng không có tài làm việc gì cũng khó.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “**Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hoá có hại cho nước. Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai**”. Người có tài có đức phải đem tài năng, đức độ của mình phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, xây dựng, kiến thiết nước nhà.

2.2. Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc tìm kiếm, thu phục nhân tài

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển truyền thống tốt đẹp, quý báu của dân tộc “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh”; hiền tài là rường cột, sức mạnh của đất nước. Người luôn đề cao vai trò của nhân tài, tích cực tìm kiếm, thu phục, cảm phục và trọng dụng nhân tài, đặc biệt là những trí thức tài giỏi, đức độ, yêu nước, có tinh thần dân tộc, tâm huyết với công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời phải đương đầu với vô vàn khó khăn, thử thách, đất nước đang rất cần người tài đức tham gia sự nghiệp cách mạng, bảo vệ và xây dựng, kiến thiết nước nhà. Trong bối cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất trọng thị và thực thi nhiều biện pháp nhằm thu phục, kêu gọi, tìm kiếm những nhân sĩ, trí thức, nhân tài người Việt Nam trong nước và nước ngoài trở về tham gia cách mạng, phụng sự Tổ quốc, phục vụ sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Với quan điểm chiêu hiền đãi sĩ, “Kiến thiết cần có nhân tài” là nhiệm vụ bức thiết, cấp bách, có ý nghĩa quan trọng, chiến lược đối với cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẩn trương viết nhiều bức thư, bài viết mang ý nghĩa như “chiếu cầu hiền” gửi đến toàn thể quốc dân đồng bào, kính nhờ đồng bào hết lòng giúp đỡ Chính phủ, tìm người hiền tài ra giúp nước. Những bức thư: Nhân tài và kiến quốc, Tìm người tài đức, Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp “Tuần lễ vàng”, Thư gửi các giới công thương Việt Nam, Thư gửi đồng bào công giáo, Hoa - Việt thân thiện,... thể hiện quan điểm Hồ Chí Minh thật lòng mong muốn tìm kiếm, thu phục, tập hợp người tài, lực lượng nhân sĩ, trí thức yêu nước tham gia công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, canh tân, kiến thiết đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tha thiết mong muốn đồng bào toàn quốc cùng với Chính phủ chung sức, đồng lòng tìm kiếm, kêu gọi nhân tài trong nước và trên thế giới trở về Tổ quốc, cùng hợp lực xây dựng khối đoàn kết toàn dân, hòa hợp dân tộc, cùng nhau phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Người thành tâm kêu gọi: “Vậy chúng tôi mong rằng đồng bào ta ai có tài năng và sáng kiến về những công việc đó, lại sẵn lòng hăng hái giúp ích nước nhà thì xin gửi kế hoạch rõ ràng cho Chính phủ” Những công việc đó theo Hồ Chí Minh là những nhiệm vụ lớn lao, trọng đại của đất nước cần phải khẩn trương xây dựng, phát triển trên các lĩnh vực: kinh tế, quân sự, ngoại giao, giáo dục, y tế...

Người kêu gọi người tài đức “sẵn lòng hăng hái” cùng toàn thể quốc dân đồng bào tham gia công cuộc chấn hưng đất nước.

Cuối năm 1946, cuộc kháng chiến, kiến quốc bước vào giai đoạn mới đầy khó khăn, thử thách, đòi hỏi khẩn trương tìm kiếm, thu phục, tập hợp người tài đức nhiều hơn nữa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài “Tìm người tài đức” và đăng trên Báo Cứu quốc ngày 20 tháng 11 năm 1946 kêu gọi quốc dân đồng bào hãy tích cực cùng Chính phủ ra sức tìm người tài đức, tâm huyết tham gia cứu quốc. Người khẩn thiết kêu gọi: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”. Sự nghiệp cách mạng cần nhân tài, Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ quyết tâm thu phục nhân tài, khiêm tốn, cầu thị, tích cực tìm kiếm người tài đức và chỉ đạo các địa phương, cơ sở, khắp các miền đất nước nhanh chóng tìm tòi, điều tra nơi nào có người tài đức, phải báo cáo đầy đủ, rõ ràng, kịp thời lên Chính phủ.

Người yêu cầu các địa phương: “Báo cáo phải nói rõ: tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó. Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cáo cho đủ”, phải quyết tâm tìm kiếm, thu hút đầy đủ, tất cả người tài đức cho Chính phủ.

Với tinh thần và quyết tâm cao độ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi gợi, thôi thúc mạnh mẽ ý thức dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm vì nước, vì dân của mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là người tài đức, lực lượng trí thức, nhân sĩ. Người đã truyền cảm hứng và thổi bùng lên trong trái tim, khối óc mỗi người dân nước Việt “con Lạc, cháu Hồng” nỗi khát khao cống hiến cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, công cuộc xây dựng, kiến thiết đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện tư duy đúng đắn, sáng tạo, tầm nhìn chiến lược về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của người tài đức, về nhiệm vụ thu phục, tìm kiếm người tài đức; đồng thời, nhận thức sâu sắc, thấu đáo vai trò quan trọng của nhân tài đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Hồ Chí Minh đã hiệu triệu, quy tụ, tập hợp đông đảo, đầy đủ người tài đức, nhân sĩ, trí thức, quan lại

phong kiến, nhà tư sản trong nước và nước ngoài trở về nước, hình thành một mặt trận dân tộc thống nhất rộng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng. Nhiều người tài đức, nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, nhà nho yêu nước đã tập hợp trong Chính phủ, hợp sức cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh, sát son theo Đảng và cách mạng, đóng góp trí thức, tài năng, trí tuệ, tinh thần và vật chất cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này. Một lực lượng to lớn, đông đảo người tài đức, tâm huyết với vận mệnh đất nước đã đi theo cách mạng dưới ngọn cờ soi đường, dẫn lối của Hồ Chí Minh. Từ các vị quan chức cấp cao của triều Nguyễn như: Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hòe... và các bậc danh nho như: Huỳnh Thúc Kháng, Võ Liêm Sơn, Nguyễn Văn Tố, nhà tư sản Trịnh Văn Bô, Hoàng Thị Minh Hồ... đến các trí thức tài giỏi, yêu nước, nhiệt huyết như: Trần Văn Giàu, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Phạm Ngọc Thạch, Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Bình,... những trí thức sinh sống, làm việc ở nước ngoài như: Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Vũ Đình Tụng, Trần Hữu Tước, Lương Định Của, Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm, Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Minh Giám, Phạm Huy Thông, Phạm Quang Lễ (Trần Đại Nghĩa), Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, Trần Đức Thảo, Lê Văn Thêm, Nguyễn Khắc Viện, Hồ Đắc Di, Nguyễn Như Kon Tum... đã đáp ứng lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, sẵn sàng trở về Tổ quốc, lên chiến khu Việt Bắc tham gia cuộc kháng chiến, kiến quốc đầy khó khăn, gian khổ, thiếu thốn, hiểm nguy.

Xuyên suốt cuộc trường chinh kháng chiến chống ngoại xâm, kiến thiết đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thể hiện và xứng đáng là tấm gương người trí thức cách mạng, trở thành hạt nhân lãnh đạo, đoàn kết, tập hợp, thu phục, cảm hóa và làm chuyển biến nhận thức chính trị, tư tưởng, lập trường của nhiều thế hệ trí thức, nhân sĩ, người tài đức. Phần lớn những nhân tài, trí thức đã tự nguyện đi theo con đường cách mạng vô sản, trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã dấn thân và hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

2.3. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trọng dụng và sử dụng nhân tài trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, kiến thiết đất nước

Quan điểm Hồ Chí Minh về trọng dụng nhân tài - người tài đức.

Công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, kiến thiết đất nước là nhiệm vụ vô cùng to lớn, hệ trọng đòi hỏi sức lực của toàn dân; trong đó, rất cần người tài đức tham gia đóng góp năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ nhiệm vụ: “Chúng ta cần nhất bây giờ là: *Kiến thiết ngoại giao. Kiến thiết kinh tế. Kiến thiết quân sự. Kiến thiết giáo dục*”. Người chủ trương phải ra sức “tìm người tài đức” và nhất thiết phải “trọng dụng những kẻ hiền năng”, vì đây là

nguồn vốn quý báu của cách mạng, nguồn lực trí tuệ trong Nhân dân, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng, bảo vệ, kiến thiết, chấn hưng đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở cán bộ lãnh đạo của Đảng, trong tất cả công việc của đất nước “Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”.

Trong cuộc kháng chiến, kiến quốc, rất nhiều trí thức trong và ngoài nước hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia cách mạng, chịu đựng gian khổ, khó khăn, thiếu thốn. Vì vậy, Người rất quý trọng, yêu thương và đề cao vị trí, vai trò những người trí thức đã dần thân đi theo sự nghiệp cách mạng và căn dặn cán bộ, đảng viên rằng: “Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn thêm nhiều”, phải yêu quý, trân trọng và chăm lo chu đáo cho nhân tài là trí thức. Trọng dụng, đề cao vai trò lực lượng trí thức là quan điểm đúng đắn, sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nhấn mạnh: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế.

Quan điểm Hồ Chí Minh về quý trọng, trọng dụng nhân tài - người tài đức có cơ sở, nguồn gốc từ tư tưởng trọng dân, thương dân, tin dân, nâng cao vai trò làm chủ đất nước của Nhân dân, đồng thời là sự kế thừa, phát triển truyền thống tốt đẹp quý trọng hiền tài của dân tộc Việt Nam. Với cương vị người đứng đầu Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện đậm nét đạo đức, phong cách yêu quý, trân trọng và trọng dụng nhân tài. Người hết mực “chiêu hiền đãi sĩ” bằng chính tình cảm chân thành, sâu lắng, trái tim nhiệt huyết, sôi sục cùng trí tuệ绵绵 tiếp của một nhà hiền triết cách mạng, ứng xử rất mực nhân ái, nghĩa tình, nhân văn với người tài đức.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quý trọng, trọng dụng, thu phục, cảm hóa nhân tài bằng chính nhân tâm cao thượng, chủ nghĩa nhân văn của người chiến sĩ cộng sản, bằng trái tim, khối óc của một nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, suốt đời vì nước, vì dân. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về quý trọng, trọng dụng nhân tài - người tài đức là nội dung rất quan trọng, nhất quán, thể hiện đậm nét trong cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Người và là một nhân tố góp phần xây dựng lực lượng cách mạng to lớn, đông đảo, đưa sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc đến thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh với quá trình trọng dụng và sử dụng nhân tài - người tài đức trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, kiến thiết đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng nhân tài - người tài đức trên cơ sở, nền tảng của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt thành phần, giai cấp, địa vị, đảng phái, tư tưởng chính trị, độ tuổi, giới tính, tôn giáo, dân tộc, bằng cấp, vùng miền, người Việt trong nước hay ở nước ngoài... Bất cứ ai là “con Lạc - cháu Hồng, con Rồng - cháu Tiên” nếu có tài đức, yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hăng hái tham gia những công việc có ích cho nước, nhất thiết phải được trọng dụng, sử dụng.

Người khẳng định quan điểm, chủ trương sử dụng nhân tài một cách rộng mở, tiến bộ, nhân văn và cách mạng. Trong bài viết “Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn trong các Ủy ban nhân dân” đăng trên Báo Cứu quốc, số 58, ra ngày 4-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Việc dùng nhân tài, ta không nên căn cứ vào những điều kiện quá khắt khe. Miễn là không phản lại quyền lợi dân chúng, không là Việt gian, thân Pháp, thân Nhật, có lòng trung thành với Tổ quốc là có thể dùng được”. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trọng dụng và sử dụng các quan lại cao cấp, đại thần của triều đình phong kiến nhà Nguyễn như Thượng thư Bộ hình Bùi Bằng Đoàn, Khâm sai đại thần Phan Kế Toại, Đồng lý ngự tiền văn phòng Phạm Khắc Hòe... vì Người biết rằng những vị quan này có tài năng và lòng yêu nước, có tinh thần hăng hái tham gia kháng chiến và sẵn sàng làm những việc có ích cho nước. Người còn cảm hóa, thu phục và sử dụng một thủ lĩnh dân tộc là “vua Mèo” Vi Văn Định.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quý trọng, trọng dụng và sử dụng, phát huy hiệu quả tài năng, trí tuệ, tinh thần yêu nước, tri thức, năng lực, sở trường của nhân tài là trí thức nước ngoài không phải đảng viên Đảng cộng sản: Phạm Quang Lễ, Nguyễn Văn Huyền, Tạ Quang Bửu, Lương Định Của, Lê Văn Thâm, Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm, Hoàng Minh Giám, Phạm Huy Thông, Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, Trần Đức Thảo, Nguyễn Khắc Viện, Hồ Đắc Di... Những người tài đức là trí thức còn rất trẻ, tuổi đời vừa ngoài ba mươi được Hồ Chí Minh tin tưởng, trọng dụng, giao trọng trách: Phan Anh, Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh...

Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng nhân tài - người tài đức một cách khoa học, phù hợp, đúng đắn trên cơ sở căn cứ vào đặc điểm, phẩm chất từng người, tài năng, tri thức, chuyên môn, học thuật, năng lực, sở trường... của mỗi một nhân tài. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh thực thi phương cách sử dụng nhân tài đúng người, đúng việc, đúng tài năng từng người, “tùy tài mà dùng người”.

Người chỉ dẫn rất cụ thể, khi phát hiện được người tài, phải xem xét thật kỹ tài năng từng người và sử dụng hợp lý, đúng đắn: “Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy” để có thể phát huy cao nhất tài năng, sở trường, đóng góp của nhân tài. Hồ Chí Minh căn dặn, đòi hỏi phải sử dụng đúng tài năng, sở trường của nhân tài: “Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của họ, cũng không được việc”. Người lưu ý, nhắc nhở khi dùng người tài phải thật hợp lý, đúng ngành nghề, chuyên môn, tránh dùng thợ mộc làm nghề thợ rèn và ngược lại; tuyệt đối không được: “thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ lãnh đạo cách mạng phải biết quý trọng, trọng dụng và chú ý sử dụng nhân tài hợp lý, tránh làm mai một, thui chột nhân tài. Trong lãnh đạo, sử dụng nhân tài, Người chỉ rõ bài học kinh nghiệm quý giá cho cán bộ, nêu: “Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hóa ra tài to. Lãnh đạo không khéo, tài to cũng hóa ra tài nhỏ”.

Hồ Chí Minh đã thành công với quan điểm, phương pháp, nghệ thuật, cách thức dùng người tài đức một cách khoa học, hợp lý, đúng đắn trong cuộc kháng chiến, kiến quốc, xây dựng, bảo vệ và kiến thiết đất nước như: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Bình trên mặt trận quân sự, Huỳnh Thúc Kháng trên lĩnh vực nội vụ, giữ nước, Phạm Quang Lễ trên lĩnh vực chế tạo vũ khí, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Như Kon Tum, Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai trên mặt trận giáo dục, Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, Vũ Đình Tụng, Hồ Đắc Di, Nguyễn Khắc Viện... trên lĩnh vực y tế,...

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sử dụng nhân tài - người tài đức, nhất quyết phải trao trọn niềm tin, tin tưởng tuyệt đối, giao toàn quyền quyết định nhiệm vụ cách mạng, đó chính là quan điểm đúng đắn, sáng suốt và là tài năng, nghệ thuật, phương thức sử dụng nhân tài của Người. Quá trình thực tiễn lãnh đạo cuộc kháng chiến, kiến quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho người tài đức, đồng thời gửi trọn lòng tin, thật sự tin tưởng, giao quyền quyết định và kỳ vọng vào thắng lợi. Trong các nhiệm vụ hệ trọng của cách mạng, kể cả mặt trận quân sự, Người luôn nhắc nhở: “Phải để cho các cấp chỉ huy có quyền “tuỳ cơ ứng biến”, mới có thể phát triển tài năng của họ. Việc gì cấp trên cũng nhúng vào, cán bộ cũng như một cái máy, việc gì cũng chờ mệnh lệnh, sinh ra ý lại, mất hết sáng kiến”. Người cho rằng, đã tin tưởng giao trọng trách, phải để nhân tài có quyền độc lập, tự chủ, phát huy tinh thần quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám quyết định và chịu trách nhiệm về thành bại của trọng trách được giao.

Tháng 10 năm 1945, cuộc kháng chiến chống Pháp trên chiến trường Nam Bộ bước vào giai đoạn gay go, quyết liệt đang rất cần một nhà quân sự tài năng, đức độ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tin tưởng và giao nhiệm vụ cho tướng Nguyễn Bình - vị Trung tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam vào miền Nam. Người nhấn nhủ: “Bác giao Nam Bộ cho chú!.. Bác nghĩ các lực lượng trong đó đang cần một vị chỉ huy tài năng, có thể tập hợp các đơn vị vũ trang lại... Tổ quốc trên hết! Tôi giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Bình...”. Giữa năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ là trận chiến vô cùng quan trọng, quyết định thành bại của cuộc kháng chiến chống Pháp. Khi giao nhiệm vụ cho Đại tướng - Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng, nhấn gửi: “Tổng Tư lệnh ra mặt trận, Tướng quân tại ngoại! Trao cho chú toàn quyền quyết định. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất trong Đảng ủy, thống nhất với cố vấn thì cứ quyết định rồi báo cáo sau”. Giữa năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến nước Pháp, Người đã ký Sắc lệnh số 82 ngày 29/5/1946 ủy nhiệm cho Cụ Huỳnh Thúc Kháng - Quyền Chủ tịch nước, rằng: “Cụ cứ dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

Trong cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất trọng dụng, sử dụng hiệu quả, phát huy tài năng, trí tuệ của nhân tài ngoài Đảng cộng sản, đây là quan điểm cách mạng, tiên bộ, cách làm táo bạo của Hồ Chí Minh. Trọng dụng, sử dụng nhân tài ngoài Đảng tham gia vào Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phản ánh bản lĩnh, trí tuệ, tư chất của Hồ Chí Minh. Người chủ trương xây dựng, tập hợp trong Chính phủ bao gồm những nhân tài ngoài Đảng cộng sản, các đảng phái khác. Trong Chính phủ Lâm thời, ngoài những thành viên của Việt Minh, có nhiều bộ trưởng không phải là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, như Bộ trưởng Bộ Quốc dân Kinh tế Nguyễn Mạnh Hà (một người công giáo không đảng phái), Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính Đào Trọng Kim, Bộ trưởng Bộ Cứu tế Xã hội Nguyễn Văn Tố (không đảng phái), Bộ trưởng Thanh niên Dương Đức Hiền (Đảng Dân chủ). Đến tháng 03 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cải tổ Chính phủ Lâm thời thành Chính phủ Liên hiệp kháng chiến với cơ cấu 10 bộ; trong đó, Mặt trận Việt Minh và Đảng Dân chủ chỉ giữ 4 bộ, hai đảng Việt Quốc và Việt Cách giữ 4 bộ, 02 bộ quan trọng nhất là Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng đều do những người không đảng phái nắm giữ. Sau khi Quốc hội bầu Chính phủ chính thức, lời tuyên bố trước Quốc hội ngày 31-10-1946 của Người khẳng định quan điểm và trong thực tiễn, “Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái”.

Người nêu rõ quan điểm: “Phong trào giải phóng sôi nổi, nảy nở ra rất nhiều *nhân tài ngoài Đảng*. Chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước”. Trong hoàn cảnh Việt Nam vừa độc lập, số đảng viên cộng sản chưa nhiều, nhân tài trong xã hội là vốn quý của Đảng, tiềm lực của cách mạng, giữ vai trò quan trọng trong cuộc chấn hưng đất nước. Vì vậy, sử dụng nhân tài ngoài Đảng trở thành nhiệm vụ cấp thiết, hữu ích cho cách mạng. Hồ Chí Minh khái quát một thực tế tương phản ở Việt Nam “so với số Nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một người đảng viên. Nếu không có Nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết. Vì vậy ta cần phải hợp tác với những người ngoài Đảng”

Những nhân tài ngoài Đảng Cộng sản, các đảng phái khác, quan lại phong kiến triều Nguyễn, trí thức ở nước ngoài trở về... đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh quý trọng, trọng dụng và sử dụng, tin tưởng, giao những trọng trách, chức vụ quan trọng trên các lĩnh vực đã phát huy tài năng, trí tuệ, tri thức... đã cống hiến rất lớn cho cuộc kháng chiến, kiến quốc.